TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 61/2025/QĐST-VDS	*Mai Sơn, ngày 26 tháng 3 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 81, 82, 83, 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 115/2025/TLST-HNGĐ ngày 04/3/2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Lò Thị H, sinh năm 2001. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi ở: Bản A, xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Anh Hà Văn N, sinh năm 1994. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi ở: Bản A, xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Hà Văn N và chị Lò Thị H kết hôn với nhau từ năm 2020 do cả hai cùng tự nguyện, không bên nào bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 09/4/2020. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì sảy ra mâu thuẫn. Anh chị cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay sảy ra cãi vã, xô xát nhau. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hòa giải nhưng không thành. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2024 đến nay mà không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Tại phiên hòa giải, chị H và anh N xác định mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, không thể tiếp tục

cuộc sống hôn nhân nên giữ nguyên yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh Hà Văn N và chị Lò Thị H có 01 con chung là cháu Hà Thị Thúy V, sinh ngày 08/7/2018.

Anh N, chị H thống nhất thỏa thuận: Anh N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hà Thị Thúy V cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Chị H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N số tiền là 2.000.000VNĐ/01 tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 3 năm 2025 cho đến khi cháu V trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Thỏa thuận về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung của hai anh chị là tự nguyện, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung chưa thành niên, phù hợp với điều kiện của hai bên nên cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Anh N, chị H thống nhất xác nhận không có tài sản chung và nợ chung trong thời kỳ hôn nhân.

[4] Về lệ phí tòa án: Anh Hà Văn N, chị Lò Thị H thống nhất mỗi người chịu 50% lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

Xét thấy: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, tài sản, nợ chung khi ly hôn ngày 18 tháng 3 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lò Thị H và anh Hà Văn N.

- Về con chung: Anh Hà Văn N và chị Lò Thị H có 01 con chung là cháu Hà Thị Thúy V, sinh ngày 08/7/2018.

Anh N, chị H thống nhất thỏa thuận: Anh N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hà Thị Thúy V cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Chị H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N số tiền là 2.000.000VNĐ/01 tháng (hai triệu đồng /01 tháng), thời gian

cấp dưỡng tính từ tháng 3 năm 2025 cho đến khi cháu V trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động).

Anh N, chị H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn, chị H được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật; không ai được quyền ngăn cản chị thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung vợ chồng: Không có.

- Về nợ chung vợ chồng**:** Không có.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Lò Thị H chịu lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, tài sản chung, nợ chung khi ly hôn là 150.000VNĐ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 VND (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002417 ngày 04 tháng 3 năm 2025 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, chị H được trả lại 150.000VNĐ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Anh Hà Văn N chịu lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, tài sản chung, nợ chung khi ly hôn là 150.000VND (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND xã Hát Lót, huyện Mai Sơn;
- Các đương sự:
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Phương Thúy